TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUY TIÊN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: 27/*2017*/HNGĐ-ST
Ngày 17/11/2017
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY TIÊN - HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Thuận
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Tuấn; Ông Trần Đức Liên
***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Tươi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duy Tiên.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Tiên tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Minh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duy Tiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2017/QĐXX-ST ngày 02 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Trần Đình D, sinh năm 1976
Địa chỉ: Thôn L, xã Ch, huyện D, tỉnh Hà Nam
2. Bị đơn: chị Đinh Thị Th, sinh năm 1977
Địa chỉ: Thôn L, xã Ch, huyện D, tỉnh Hà Nam

(Tại phiên tòa có mặt anh D, chị Th)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Đình D trình bầy:

Anh và chị Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký vào ngày 19/9/1997 tại Ủy ban nhân dân xã Ch, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống với bố mẹ anh ở thôn L, xã Ch được một thời gian thì giữa vợ chồng xảy ra bất hòa, nguyên nhân do chị Th thường xảy ra mâu thuẫn với mẹ của anh nên đến giữa năm 1999 vợ chồng anh đã sống ly thân, được mọi người khuyên can nhưng vợ chồng cũng chỉ chung sống được một thời gian rồi lại xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng anh chính thức sống ly thân từ năm 2008 đến nay không quan tâm gì đến nhau, nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị xin được ly hôn chị Th.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Đinh Thị Th trình bày: Về điều kiện thủ tục kết hôn của vợ chồng chị như anh D trình bày là đúng. Chị thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D đi làm trên Hà Nội, thời gian đầu thi thoảng có về nhà nhưng từ năm 2010 trở đi anh D không về nhà nữa và cũng không quan tâm đến gia đình. Vợ chồng chị ly thân từ năm 2010 đến nay không quan

tâm gì đến nhau, mặc dù đã được người thân khuyên can nhưng tình cảm không được cải thiện, nay tình cảm vợ chồng không còn nhưng vì không muốn các con chung không có bố nên chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng cùng trình bày có 04 con chung là các cháu Trần Đình H sinh ngày 18/3/1998, Trần Thị H sinh ngày 16/7/1999, Trần Đình H sinh ngày 21/3/2003, Trần Đình Đ, sinh ngày 01/4/2004. Hiện nay các cháu H, H đã trên 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được nên anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với các cháu H, Đ hiện nay đang sống cùng chị Th, trường hợp ly hôn thỏa thuận để chị Th tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu H, Đ. Anh D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th mỗi tháng 1.500.000đ cho mỗi cháu.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 09/6/2017 anh D bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng tuy nhiên sau đó anh D rút yêu cầu chia tài sản chung và các đương sự cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, công sức, công nợ.

Tại phiên tòa các đương sự giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị xử ly hôn giữa anh Trần Đình D và chị Đinh Thị Th. Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Đình H, Trần Đình Đ, anh D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th mỗi tháng 1.500.000đ/cháu. Đ chỉ giải quyết yêu cầu về tài sản và giải quyết hậu quả của việc đình chỉ. Ngoài ra còn đề nghị về án phí và các chi phí tố tụng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

** Về quan hệ hôn nhân:* Anh Trần Đình D và chị Đinh Thị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Uỷ ban nhân dân xã Ch, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam đăng ký vào ngày 19/9/1997 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo hộ.

Sau ngày cưới vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn là thực tế các bên đã thừa nhận. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hòa hợp dẫn đến bỏ mặc người kia muốn sống ra sao thì sống, vợ chồng sống ly thân từ năm 2010 (thời điểm bị đơn thừa nhận) đến nay không quan tâm gì đến nhau, mặc dù đã được người thân khuyên can, Tòa án hòa giải nhưng tình cảm không được cải thiện, nay anh D kiên quyết xin ly hôn, chị Th cũng khẳng định tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng sống ly thân đã lâu, trong quá trình đó không còn quan tâm đến nhau như vậy mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy xử ly hôn giữa anh D và chị Th là phù hợp thực tế và quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

** Về con chung:* Vợ chồng có 04 con chung là các cháu Trần Đình H sinh ngày 18/3/1998, Trần Thị H sinh ngày 16/7/1999, Trần Đình H, sinh ngày 21/3/2003, Trần Đình Đ, sinh ngày 01/4/2004. Hiện nay các cháu H, H đã trên 18 tuổi, trưởng thành, tự lập. Đối với hai cháu H, Đ, xét thấy sự thỏa thuận của

các đương sự là phù hợp pháp luật nên chấp nhận cần giao chị Th tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu H, Đ, anh D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th mỗi tháng 1.500.000đ/cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được.

** Về tài sản chung, công nợ, công sức*: Xét việc rút yêu cầu của anh D là tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu giải quyết về tài sản và giải quyết về hậu quả của việc đình chỉ theo quy định của pháp luật. Do các đương sự cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, công sức, công nợ nên không xem xét.

* Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản: thực tế số tiền đã chi hết 1.500.000đ, xét việc tự nguyện chịu khoản chi phí này của anh D là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

** Về án phí*: Anh D phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 28; 35; 39; 147; 218; 244 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Xử ly hôn giữa anh Trần Đình D và chị Đinh Thị Th.

2. Về con chung: giao chị Đinh Thị Th tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Trần Đình H sinh ngày 21/3/2003, Trần Đình Đ sinh ngày 01/4/2004 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng) cho mỗi cháu H, Đ cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Các bên được quyền thăm hỏi, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Chị Th và các thành viên trong gia đình không đ□ợc cản trở anh D trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng của anh Trần Đình D. Các đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án chia tài sản chung của vợ chồng trong vụ án độc lập khác theo quy định của pháp luật.

4. Án phí và chi phí tố tụng: Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh D phải chịu 300.000đ. Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: anh D phải chịu 150.000đ. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh D đã nộp ngày 24/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên được đối trừ khi thi hành án.

Trả lại cho anh Trần Đình D tiền tạm ứng án phí chia tài sản anh đã nộp theo biên lai số 0000102 ngày 09/6/2017 số tiền: 3.000.000đ (Ba triệu đồng)

Về chi phí xem xét thẩm định, định giá: anh D phải chịu 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng), số tiền này anh D đã nộp và quyết toán xong tại Tòa án.

Án xử công khai sơ thẩm, anh D, chị Th có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Hà Nam.*
- *VKSND huyện Duy Tiên.*
- *Chi cục THADS huyện Duy Tiên.*
- *UBND xã Châu Sơn;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Ngọc Thuận